

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 04 /2019/DS-ST

Ngày: 15/3/2019

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bảo
2. Bà Võ Thị Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018 “*V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 28/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Châu S, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã An Khê, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị Châu S trình bày: Vì giữa chị S và chị Th có mối quan hệ làm ăn với nhau nên chị S có cho chị Th vay 04 lần tiền vào các ngày như sau: Lần 1, ngày 15/10/2016 (Âm lịch) vay 60.000.000đ và hẹn 10 tháng sẽ trả; Lần 2, ngày 25/10/2016 (Âm lịch) vay tiếp 60.000.000đ hẹn sẽ trả sau 02 tháng; Lần 3, ngày 16/11/2016 (Âm lịch) vay 60.000.000đ, chị Th hẹn sẽ trả trong 10 tháng và Lần 4, ngày 14/12/2016 (Âm lịch) vay 60.000.000đ cũng hẹn sẽ trả trong 10 tháng. Trong 4 lần vay tiền chị Th đã viết giấy mượn tiền và đã trả tổng cộng được 40.000.000đồng cho chị S. Số tiền 200.000.000đ chị Th còn nợ chị S đến hạn nhưng chị Th không trả. Hôm nay, chị S yêu cầu Tòa án buộc chị Th phải trả đủ số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và không yêu cầu khoản lãi.

Bị đơn chị Th thừa nhận có vay tiền của chị Đoàn Thị Châu S 04 lần tiền mỗi lần 60.000.000đ vào các ngày như chị S trình bày. Trong các lần nhận tiền của chị S chị Th có viết giấy mượn tiền cho chị S. Vì buôn bán làm ăn với nhau nên khi trả tiền chị Th không yêu cầu chị S viết giấy nhận tiền mà tự theo dõi trong sổ. Chị Th

ước tính đã trả chị S khoảng 40.000.000đ chứ không nhớ chính xác và thừa nhận hiện nay còn nợ chị S khoảng 200.000.000đ. Do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả một lần mà sẽ trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết số nợ khoảng 200.000.000đ cho chị S. Ngoài ra chị Th không yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Thanh Th, hiện cư trú tại: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai có vay tiền của chị Đoàn Thị Châu S, đến nay xảy ra tranh chấp, chị S khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã A yêu cầu giải quyết buộc chị Th phải trả số tiền còn nợ là 200.000.000đ. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự và hoàn thành giao dịch trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên theo điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì trường hợp trên được áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[3]. Về số tiền đã vay: Chị Th có vay của chị S 4 lần tiền mỗi lần 60.000.000đ, tổng cộng 240.000.000đ và chị Th có viết 04 “Giấy mượn tiền” cho chị S, là sự thật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện này không cần phải chứng minh.

[4]. Về số tiền đã trả. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay chị S trình bày chị Th đã trả được 40.000.000đ, chỉ còn 200.000.000đ yêu cầu chị Th phải trả một lần. Còn chị Th trình bày không nhớ trả cho chị S bao nhiêu mà ước chừng hơn 40.000.000đ và thừa nhận hiện còn nợ chị S khoảng 200.000.000đ chứ không biết chính xác. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 29/10/2018 Tòa án đã yêu cầu chị Th cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là sự thật nhưng chị Th không cung cấp chứng cứ nào cho Tòa án theo yêu cầu. Tại phiên tòa chị Th cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời khai của chị mà chỉ xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết số nợ 200.000.000đ cho chị S.

[5]. Đối chiếu lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thẩm tra, Hội đồng xét xử xác định lời khai của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, buộc chị Th phải có nghĩa vụ phải trả cho chị S số tiền còn nợ là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 là có căn cứ.

[6]. Về khoản lãi phát sinh. Tại phiên Tòa chị S không yêu cầu tính lãi của số tiền trên mà chỉ yêu cầu chị Th phải trả số tiền gốc còn nợ là 200.000.000đ. Xét, lời

trình bày của chị S là tự nguyện, chị S không yêu cầu khoản lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền được Tòa án chấp nhận là 200.000.000đ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 10.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Châu S.

- Buộc bị đơn chị Trần Thị Thanh Th, phải trả cho chị Đoàn Thị Châu S, số tiền còn nợ là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Chị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Đoàn Thị Châu S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo biên lai số: 0007113 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn